

Bản án số 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01/7/2024

Về việc “T/c ly hôn, chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiểm.

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/6/2024 và 01/7/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2024 và bản tự khai ngày 22/02/2024, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Giáp T1 Quyền ngày 10/4/2023, kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Đ, xã Q, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên tháng 12/2023 chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện T ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q; vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* *Tại đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 04/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Giáp Tiến Q1 trình bày:* Anh kết hôn với chị Phạm Thị T ngày 10/4/2023, kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn Đ, xã Q, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Tháng 12/2023 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện T ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý; vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian vợ chồng chưa ly thân, anh có chuyển vào tài khoản của cho chị T số tiền 61.500.000 đồng (có bản sao kê) và đưa cho chị T 10.000.000 đồng tiền mặt; tổng số tiền là 71.500.000 đồng. Sau đó anh cần tiền chi tiêu nên chị T chuyển khoản lại cho anh 15.950.000 đồng. Số tiền còn lại chị T đang quản lý là 55.550.000 đồng. Tháng 5/2023, anh có mua chiếc điện thoại Iphone14promax giá 30.000.000 đồng và đưa cho chị T quản lý sử dụng, ngoài ra khi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở thì chị T còn cầm của anh 0 chỉ vàng đi. Nay vợ chồng ly hôn thì anh xác định số tiền, vàng, điện thoại là tài sản chung của vợ chồng; anh yêu cầu Tòa án xác định các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu phân chia cho mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, bên nào được chia bằng hiện vật thì trích chia cho bên kia bằng tiền.

* *Tại bản khai ngày 11/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, chị T trình bày:* Chị thừa nhận anh Q1 có chuyển tiền cho chị nhưng chị không nhớ tổng số tiền là bao nhiêu, mục đích anh Q1 chuyển tiền cho chị là để sử dụng chi tiêu chung của vợ chồng và gia đình. Tuy nhiên đến khi vợ chồng ly thân thì chị đã chi tiêu vào việc sinh hoạt cho vợ chồng và gia đình nhà chồng hết số tiền này (có bản sao kê chi tiết). Tháng 5/2023 anh Q1 có đưa cho chị 01 chiếc điện thoại Iphone14promax để sử dụng, nhưng sau khi vợ chồng ly thân, do sơ suất đi đường chị đã làm rơi mất không còn nữa. Tại bản khai trước do nhớ nhầm nên chị khai anh Q1 có đưa cho chị giữ 02 chỉ vàng, nay chị nhớ lại, chị xác định chị không cầm chỉ vàng nào của anh Q1. Nay chị xác định tiền chị đã chi tiêu hết, điện thoại không còn và chị không cầm vàng nên anh Q1 yêu cầu phân chia tài sản chung thì chị không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q1, chị T không yêu cầu định giá tài sản chiếc điện thoại và anh có văn bản thỏa thuận chiếc điện thoại có giá trị là 19.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Chị **T** giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không nhất trí với yêu cầu chia tài sản chung của anh **Q1**.

Anh **Q1** đồng ý ly hôn và rút yêu cầu chia tài sản chung là tiền, vàng. Anh giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung chiếc điện thoại Iphone14promax có giá là 19.000.000 đồng và đề nghị chia cho **T** sử dụng điện thoại, chị **T** phải trích trả cho anh ½ giá trị tài sản bằng tiền là 9.500.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng quy định, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề xuất: Căn cứ vào các điều 51, 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a đến b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị T** và anh **Giáp Tiến Q1**.

- Về tài sản chung: Xác định chiếc điện thoại Iphone14promax trị giá 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng chị **Phạm Thị T**, anh **Giáp Tiến Q1**.

Chia cho chị **Phạm Thị T** quản lý sử dụng chiếc điện thoại Iphone14promax, có giá trị 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng), chị **Phạm Thị T** phải trích chia cho anh **Giáp T1** Quyền ½ giá trị tài sản số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh **Giáp T1** Quyền là tiền, vàng.

- Về án phí: Chị **Phạm Thị T2** phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 475.000 đồng án phí chia tài sản chung, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006514 ngày 20/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị **T2** còn phải nộp 250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Giáp Tiến Q1** phải chịu 75.000 đồng án phí án phí ly hôn và 475.000 đồng án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền 2.463.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006737 ngày 04/3/2024 tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả anh Q1 số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.913.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T2, bị đơn anh Q1 đều đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị T2 khởi kiện yêu cầu giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Bị đơn anh Q1 yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; xác định là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, chia tài sản chung” theo khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện T. Tòa án huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T2, anh Q1 kết hôn ngày 23/4/2023, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang theo quy định của pháp luật. Do đó, xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra; kể từ cuối năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không hợp nhau. Tháng 12/2023 chị T2 bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện T ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T2 yêu cầu ly hôn anh Q1. Và anh Q1 đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị T2, anh Q1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T2 xin ly hôn và anh Q1 đồng ý. Do đó, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T2 và anh Q1 theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tài sản chung: Anh Q1 xác định vợ chồng có tài sản chung là 55.550.000 đồng, 03 chỉ vàng, 01 chiếc điện thoại Iphone14promax, hiện chị T2 đang quản lý sử dụng. Anh yêu cầu chia tài sản chung cho mỗi bên được hưởng ½ giá trị tài sản, bên nào được chia bằng hiện vật thì trích chia cho bên kia bằng tiền. Tại phiên tòa anh Q1 rút yêu cầu chia tiền, vàng. Việc rút yêu cầu chia tiền, vàng của anh Q1 là tự nguyện nên cần đình chỉ đối với các yêu cầu này của anh Q1 theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q1 yêu cầu chia tài sản chung là chiếc điện thoại Iphone14promax chị T2 đang quản lý sử dụng; cụ thể: Chia cho chị T2 quản lý sử dụng điện thoại, nhưng chị T2 phải trích chia cho anh

Q1 ½ giá trị chiếc điện thoại bằng tiền là 9.500.000 đồng. Chị **T2** không đồng ý chia vì điện thoại đã bị mất không còn nữa.

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị **T2**, anh **Q1** đều thừa nhận anh **Q1** có đưa cho chị **T2** quản lý, sử dụng chiếc điện thoại Iphone14promax; chị **T2** khai sau khi vợ chồng sống ly thân thì chị **T2** đã làm rơi mất chiếc điện thoại. Tuy nhiên, chị **T2** không đưa ra được căn cứ chiếc điện thoại bị mất, nếu bị mất thì thời điểm mất sau khi vợ chồng ly thân nên chị **T2** là người phải chịu trách nhiệm do lỗi của mình gây ra. Do đó, anh **Q1** yêu cầu chia chiếc điện thoại Iphone14promax theo giá mà chị **T2**, anh **Q1** thỏa thuận là 19.000.000 đồng và chia cho chị **T2** quản lý sử dụng điện thoại, chị **T2** phải trích chia cho anh **Q1** ½ giá trị chiếc điện thoại bằng tiền là 9.500.000 đồng, là có căn cứ.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do chị **T2**, anh **Q1** thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa, nên chị **T2** và anh **Q1** mỗi bên phải chịu ½ án phí ly hôn và phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; các điều 28, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị T** và anh **Giáp Tiến Q1**.

2. Về xác định tài sản chung và chia tài sản chung: Xác định chiếc điện thoại Iphone14promax trị giá 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) là tài sản chung của vợ chồng chị **Phạm Thị T**, anh **Giáp Tiến Q1**.

Chia cho chị **Phạm Thị T** quản lý sử dụng chiếc điện thoại Iphone14promax, có giá trị 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng). Chị **Phạm Thị T** phải trích chia cho anh **Giáp T1** Quyền ½ giá trị tài sản số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian

chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh **Giáp T1** Quyền là tiền, vàng.

4. Về án phí: Chị **Phạm Thị T2** phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và 475.000 đồng án phí chia tài sản chung, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006514 ngày 20/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị **T2** còn phải nộp 250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Giáp Tiến Q1** phải chịu 75.000 đồng án phí án phí ly hôn và 475.000 đồng án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền 2.463.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006737 ngày 04/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả anh **Q1** số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.913.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Quang Huy

